

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HỒNG THÁI TÂY.

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	456	126	125	114	91
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	89,29	89,6	87,93	83,52	96,59
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	9,76	0/0	12,07	13,19	2,27
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,71	0/0	0/0	3,30	0/0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,24	0/0	0/0	1,10	0/0
II	Số học sinh chia theo học lực	420	125	116	91	88
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18,33	13,6	18,97	17,58	25,00
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	42,62	39,2	40,52	47,25	45,45
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	37,14	44	37,7	35,16	29,55
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1,90	3,2	3,45	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	420	125	116	91	88
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99,048	96,8	100	100	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18,33	13,6	18,97	17,58	25
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	43,73	0	40,52	46,15	45,45
2	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,95	3,2	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1,67	1,6	1,72	1,10	2,27
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					6

2	Cấp tỉnh/thành phố					1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					91
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					88
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					25
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					45,45
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					29,55
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	226/194	65/60	69/47	46/45	46/42
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	11	4	1	4	2

Hồng Thái Tây, ngày 06 tháng 9 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thanh